

Số: **240/2023/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 237/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần V.C, sinh năm 1965;

Địa chỉ: phường P.V, thành phố H, tỉnh T.T.H.

+ Bà Hà T.T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: phường P.V, thành phố H, tỉnh T.T.H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần V.C và bà Hà T.T kết hôn tự nguyện với nhau vào năm 1994 tại Ủy ban nhân dân phường P.H (nay là phường G.H), thành phố H. Hai người có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng trong vài năm trở lại đây thì thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã nhau và ngày càng gay gắt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không giải quyết được. Nay ông C và bà T xác định tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần V.C và bà Hà T.T có 03 con chung đã trưởng thành gồm: Trần T.N, sinh ngày 24/7/1986, Trần T.L, sinh ngày 18/7/1988 và Trần V.P, sinh ngày 01/7/1990. Hai đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Ông Trần V.C và bà Hà T.T đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần V.C và bà Hà T.T thỏa thuận mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ lệ phí là 150.000 đồng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và thuận tình ly hôn lập ngày 19/4/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần V.C và bà Hà T.T.

- Về con chung: Ông Trần V.C và bà Hà T.T xác nhận có 03 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Ông Trần V.C và bà Hà T.T xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần V.C và bà Hà T.T phải chịu mỗi người $\frac{1}{2}$ lệ phí là 150.000 đồng nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005725 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông C và bà T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường G.H, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam